BÀI 23

HỊCH TƯỚNG SĨ

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thể hiện qua lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược.

– Nắm được đặc điểm cơ bản của thể hịch. Thấy được đặc sắc nghệ thuật văn chính luận của *Hịch tướng sĩ.*

– Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô-gíc và tư duy hình tượng, giữa lí lẽ và tình cảm.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ở bài trước, HS đã được học *Chiếu dời đô,* đến bài này cần cho các em thấy được bên cạnh những điểm giống nhau là đặc trưng riêng của *chiếu* và *hịch.* Cần nhấn vào những điểm cơ bản :

– Giống nhau : cùng là một loại văn ban bố công khai, cùng là thể văn nghị luận, kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.

– Khác nhau về mục đích, chức năng : *chiếu* dùng để ban bố mệnh lệnh còn *hịch* là để cổ vũ, thuyết phục, kêu gọi, mục đích là khích lệ tinh thần, tình cảm.

2. GV cần nắm vững đặc điểm của thể hịch và sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo của Trần Quốc Tuấn khi viết *Hịch tướng sĩ*.

Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, có tính chất cổ động, thuyết phục, thường dùng để kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài. Cũng có khi hịch được dùng để hiểu dụ, răn dạy thần dân và người dưới quyền.

Vốn xưa đó là những bài diễn thuyết quân sự gọi là "thệ". Từ "hịch" xuất hiện lần đầu thời Chiến quốc. Chữ "hịch" Hán văn nếu chiết tự ra thì có nghĩa là bài văn công khai (minh bạch chi văn) khắc vào gỗ để tuyên bố cùng mọi người. Hịch còn gọi là "lộ bố" nghĩa là bản văn để lộ, không phong, để cho mọi người cùng đọc. Đời Lí có bài *Phạt Tống lộ bố văn* của Lí Thường Kiệt ra đời trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 1075.

Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm. Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.

Thông thường bài hịch kêu gọi đánh giặc có bốn phần chính. Phần mở đầu có tính cách nêu vấn đề. Phần thứ hai thường nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng. Phần thứ ba thường nhận định tình hình để gây lòng căm thù giặc, phân tích phải trái để làm rõ đúng sai. Phần kết thúc thường đề ra chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh.

Kết cấu của *Hịch tướng sĩ* về cơ bản giống kết cấu chung của thể hịch nhưng có sự thay đổi linh hoạt. Tác giả không nêu phần đặt vấn đề riêng vì toàn bộ bài hịch là nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

Bài *Hịch tướng sĩ* được viết chủ yếu bằng văn biền ngẫu, ngôn ngữ không nặng về khoa trương mà gần gũi, thân tình. Điều này phù hợp với đối tượng và mục đích của bài hịch. Đối tượng là quân ta, là ta nói với ta, còn mục đích là đánh bại tư tưởng bàng quan, cầu an hưởng lạc, thái độ thờ ơ trước vận mệnh đất nước trong hàng ngũ tướng sĩ, nghĩa là đánh bại kẻ thù trong ta.

3. Cần đặt *Hịch tướng sĩ* trong hoàn cảnh ra đời để xác định được tư tưởng chủ đạo của bài hịch. Có xác định được tư tưởng chủ đạo mới thấy được sự liên kết giữa các phần của bài hịch. Mỗi phần có mục đích khích lệ cụ thể nhưng tất cả đều tập trung vào một hướng chủ đạo.

Bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai (1285). Theo *Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam* (xuất bản năm 1987) thì bài hịch này được công bố vào tháng 9 năm 1284 tại cuộc duyệt binh ở Đông Thăng Long. Trong ba cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần thì cuộc kháng chiến lần hai là gay go, quyết liệt nhất. Giặc cậy thế mạnh ngang ngược, hống hách. Ta sôi sục căm thù quyết tâm chiến đấu. Nhưng trong hàng ngũ tướng sĩ cũng có người dao động, có tư tưởng cầu hoà. Để cuộc chiến đấu giành thắng lợi, điều quan trọng là phải đánh bạt những tư tưởng dao động, bàng quan, phải giành thế áp đảo cho tư tưởng quyết chiến quyết thắng. Vì vậy tư tưởng chủ đạo của bài *Hịch tướng sĩ* là nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng. Đây chính là thước đo cao nhất, tập trung nhất tinh thần yêu nước trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.

4. SGK in toàn bộ bản dịch *Hịch tướng sĩ* để HS thấy được kết cấu chung của tác phẩm, qua đó thấy được trọn vẹn trình tự lập luận của tác giả. Tuy nhiên, bài hịch này dài, lại chỉ học trong 2 tiết nên cần đi sâu vào những đoạn trọng tâm. Phần đầu bài hịch (trong SGK in chữ nhỏ) về cơ bản không giảng trên lớp. Nhưng để HS làm được câu hỏi 7 trong phần *Đọc – hiểu văn bản* của SGK (dành cho HS khá, giỏi), GV lưu ý các em không nên bỏ qua đoạn này.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

Dựa vào chú thích (★) trong SGK, giới thiệu khái quát tác giả Trần Quốc Tuấn và bài *Hịch tướng sĩ.*

– Về tác giả, nhấn mạnh ba điểm : là người có phẩm chất cao đẹp, là người có tài năng văn võ song toàn, là người có công lao lớn trong các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287 – 1288).

– Về bài *Hịch tướng sĩ*: cho HS đọc bài hịch (có thể đọc toàn bộ hoặc trích đoạn, có thể gọi 1 hoặc 2 HS đọc). GV khái quát những điểm cơ bản nhất theo mục 3 của *Những điều cần lưu ý.*

Hoạt động 2. Hướng dẫn đọc văn bản và tìm hiểu chú thích.

– Nên đọc cả văn bản mặc dù khi phân tích chỉ tập trung vào phần văn bản in chữ to. Cố gắng chuyển đổi giọng điệu cho phù hợp với nội dung từng đoạn. Cần chú ý tính chất cân xứng, nhịp nhàng của câu văn biền ngẫu.

– Đọc kĩ chú thích (★) và các chú thích 17, 18, 22, 23.

Hoạt động 3. Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

1. Trên cơ sở kết cấu chung của những bài hịch kêu gọi đánh giặc, GV hướng dẫn HS tìm hiểu kết cấu của *Hịch tướng sĩ*:

– *Đoạn 1* (từ đầu đến "còn lưu tiếng tốt") : Nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước.

– *Đoạn 2* (từ "Huống chi" đến "cũng vui lòng") : Lột tả sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căm thù giặc.

– *Đoạn 3* (từ "Các ngươi" đến "không muốn vui vẻ phỏng có được không ?") : Phân tích phải trái, làm rõ đúng sai. Đoạn này có thể chia thành hai đoạn nhỏ :

+ Từ "Các ngươi" đến "muốn vui vẻ phỏng có được không ?" : Nêu mối ân tình giữa chủ và tướng, phê phán những biểu hiện sai trong hàng ngũ tướng sĩ.

+ Từ "Nay ta bảo thật" đến "không muốn vui vẻ phỏng có được không ?" : Khẳng định những hành động đúng nên làm để tướng sĩ thấy rõ điều hay, lẽ phải.

– *Đoạn 4* (đoạn còn lại) : Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.

Qua tìm hiểu kết cấu, HS bước đầu thấy được nghệ thuật lập luận của bài *Hịch tướng sĩ*.

2. Sau khi nêu gương sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, hi sinh vì nước, tác giả quay về với thực tế trước mắt, lột tả tội ác và sự ngang ngược của giặc, đồng thời nêu mối ân tình giữa chủ và tướng. Mục đích là khêu gợi lòng căm thù giặc, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất, khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người. Đây là một trong hai đoạn trọng tâm của bài giảng.

a) GV có thể gợi ý HS tìm hiểu mục đích khích lệ của đoạn văn bằng cách nêu các câu hỏi :

– Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù được tác giả lột tả như thế nào ?

– Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động như thế nào ? Vị chủ tướng tự nói lên nỗi lòng của mình sẽ có tác động ra sao đối với tướng sĩ ?

– Mối quan hệ ân tình giữa Trần Quốc Tuấn với tướng sĩ là mối quan hệ trên dưới theo đạo thần chủ hay quan hệ bình đẳng của những người cùng cảnh ngộ ? Mối quan hệ ân tình ấy đã khích lệ điều gì ở tướng sĩ ?

b) Sau từng câu trả lời của HS, GV khái quát lại theo những ý sau :

– Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù được lột tả bằng những hành động thực tế và qua cách diễn đạt bằng những hình ảnh ẩn dụ. Kẻ thù tham lam tàn bạo : đòi ngọc lụa, hạch sách bạc vàng, vét kiệt của kho có hạn, hung hãn như hổ đói. Kẻ thù ngang ngược : đi lại nghênh ngang ngoài đường, bắt nạt tể phụ. Những hình tượng ẩn dụ "lưỡi cú diều", "thân dê chó" để chỉ sứ Nguyên cho thấy nỗi căm giận và lòng khinh bỉ giặc của Trần Quốc Tuấn. Đồng thời, đặt những hình tượng đó trong thế tương quan "lưỡi cú diều" – "sỉ mắng triều đình", "thân dê chó" – "bắt nạt tể phụ", Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra nỗi nhục lớn của mọi người khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm. Có thể so sánh với thực tế lịch sử : Năm 1277, Sài Xuân đi sứ, buộc ta lên tận biên giới đón rước ; năm 1281, Sài Xuân lại sang sứ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, bị Xuân lấy roi đánh toạc cả đầu ; vua sai Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ra đón tiếp, Xuân nằm khểnh không dậy. So sánh với thực tế ấy sẽ thấy tác dụng của lời hịch như lửa đổ thêm dầu.

– Lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn được thể hiện cụ thể : quên ăn, mất ngủ, đau đớn đến thắt tim, thắt ruột ; thể hiện qua thái độ : uất ức, căm tức khi chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. Bao nhiêu tâm huyết, bút lực của Trần Quốc Tuấn dồn vào đoạn : "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối ; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa ; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng". Mỗi chữ, mỗi lời như chảy trực tiếp từ trái tim qua ngòi bút lên trang giấy. Câu văn chính luận mà đã khắc hoạ thật sinh động hình tượng người anh hùng yêu nước : đau xót đến quặn lòng trước cảnh tình đất nước, căm thù giặc đến bầm gan tím ruột, mong rửa nhục đến mất ngủ quên ăn, vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan, thịt nát. Khi tự bày tỏ khúc nhôi gan ruột, chính Trần Quốc Tuấn đã là một tấm gương yêu nước bất khuất có tác dụng động viên to lớn đối với tướng sĩ.

– Mối ân tình giữa Trần Quốc Tuấn và tướng sĩ dựa trên hai quan hệ : quan hệ chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ. Quan hệ chủ tướng để khích lệ tinh thần trung quân ái quốc, còn quan hệ cùng cảnh ngộ để khích lệ lòng ân nghĩa thuỷ chung của những người chung hoàn cảnh "lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười". Nêu mối ân tình giữa mình và tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như đối với tình cốt nhục.

3. Phân tích nghệ thuật lập luận đặc sắc trong đoạn văn phê phán thái độ, hành động sai trái của các tướng sĩ và chỉ ra cho họ thấy những thái độ, hành động đúng nên theo, cần làm.

– Giọng văn trong đoạn này vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ ; chính vì vậy, cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất sỉ mắng, răn đe, có khi lại chân thành, tình cảm mang tính chất bày tỏ thiệt hơn.

– Trần Quốc Tuấn vừa chân tình chỉ bảo vừa phê phán nghiêm khắc hành động hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh của đất nước. Thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ nông cạn mà còn là vong ân bội nghĩa trước mối ân tình của chủ tướng, sự ham chơi hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến táng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang nghìn cân treo sợi tóc. Trần Quốc Tuấn chỉ rõ những việc làm sai tưởng như nhỏ nhặt : vui chọi gà, cờ bạc, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát,... mà hậu quả thì tai hại khôn lường : thái ấp, bổng lộc không còn ; gia quyến, vợ con khốn cùng, tan nát ; xã tắc, tổ tông bị giày xéo ; thanh danh bị ô nhục ; chủ và tướng, riêng và chung,... tất cả đều "đau xót biết chừng nào".

Có khi tác giả dùng cách nói thẳng, gần như sỉ mắng : "không biết lo", "không biết thẹn", "không biết tức", "không biết căm". Có khi tác giả dùng cách nói mỉa mai, chế giễu : "cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc", "mẹo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh", "chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết", "tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai". Điều đơn giản ấy "trẻ con cũng biết được, mà các tướng lại hình như không biết... làm cho họ tức khí, muốn mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thiết thực" (Trần Đình Sử).

– Cùng với việc phê phán thái độ, hành động sai của tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn còn chỉ ra những việc đúng nên làm. Đó là nêu cao tinh thần cảnh giác,

chăm lo "tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ". Những hành động này đều xuất phát từ mục đích quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.

– Để tác động vào nhận thức, tác giả dùng thủ pháp nghệ thuật so sánh tương phản và cách điệp từ điệp ý tăng tiến.

Trần Quốc Tuấn so sánh giữa hai viễn cảnh, đầu hàng thất bại thì mất tất cả, chiến đấu thắng lợi thì được cả chung và riêng. Từ lời văn dịch khá sát, có thể thấy khi nêu viễn cảnh đầu hàng thất bại, Trần Quốc Tuấn sử dụng những từ mang tính chất phủ định : "không còn", "cũng mất", "bị tan", "cũng khốn". Còn khi nêu viễn cảnh chiến đấu thắng lợi, tác giả dùng những từ mang tính chất khẳng định : "mãi mãi vững bền", "đời đời hưởng thụ", "không bị mai một", "sử sách lưu thơm".

Điều đáng lưu ý là trong khi sử dụng phương pháp so sánh tương phản, người viết rất hiểu quy luật nhận thức. Cách *điệp ngữ, điệp ý tăng tiến* có tác dụng nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước, tác giả đưa người đọc thấy rõ đúng sai, nhận ra điều phải trái.

4. Phân tích nghệ thuật lập luận ở đoạn kết.

Để giành thế áp đảo cho tinh thần quyết chiến quyết thắng, phần cuối bài hịch, một lần nữa Trần Quốc Tuấn vạch rõ ranh giới giữa hai con đường chính và tà, cũng có nghĩa là hai con đường sống và chết để thuyết phục tướng sĩ. Tác giả biểu lộ một thái độ dứt khoát : hoặc là địch hoặc là ta, không có vị trí chông chênh cho những kẻ bàng quan trước thời cuộc. Chính thái độ dứt khoát này đã có tác dụng thanh toán những thái độ trù trừ trong hàng ngũ tướng sĩ, động viên những người còn thờ ơ, do dự hãy đứng hẳn sang phía lực lượng quyết chiến quyết thắng. Đoạn cuối bài hịch có giá trị động viên tới mức cao nhất ý chí và quyết tâm chiến đấu của mọi người.

5. Khái quát nghệ thuật lập luận của *Hịch tướng sĩ*. Đó là khích lệ nhiều mặt để tập trung vào một hướng. Khích lệ từ ý chí lập công danh, lòng tự trọng cá nhân, tự tôn dân tộc đến lòng căm thù giặc, tinh thần trung quân ái quốc, nghĩa tình cốt nhục... để cuối cùng khích lệ lòng yêu nước bất khuất, quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. Có thể thấy được cách triển khai lập luận của bài hịch qua một lược đồ kết cấu :

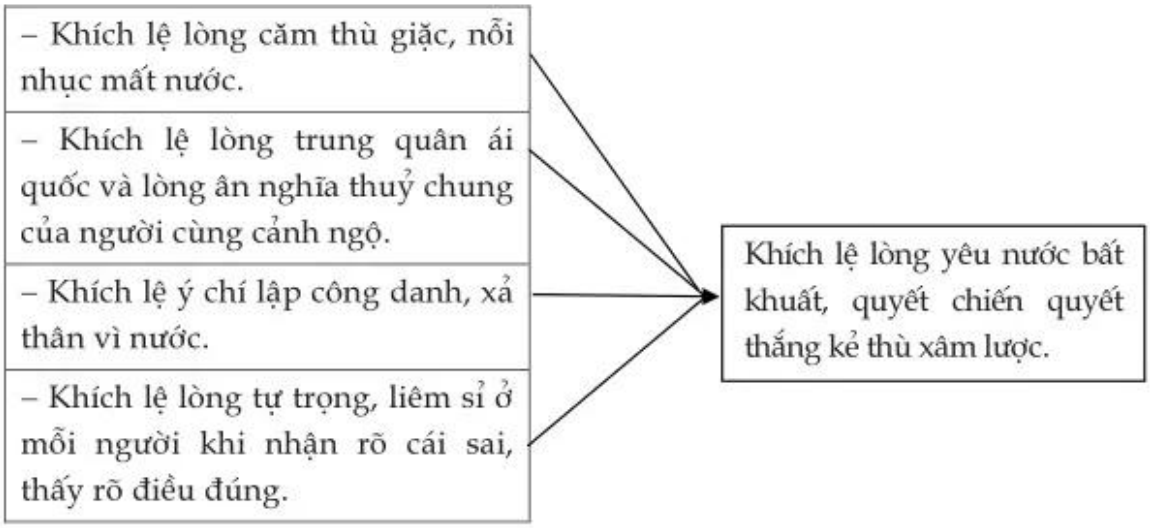

6. Tổng kết : Theo gợi ý ở bài 18.